TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:188/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10//2019.
V/v : " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Dương Minh Ngọc.

+ Bà Trần Thị Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 15/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2019, về "*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1996, trú tại: Thôn H xã N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hiện ở tại: Thôn P, xã Đ, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.
- **Bị đơn**: Anh Phạm Vũ Nh, sinh năm: 1993, trú tại: Thôn H, xã N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

- Chị H và Anh Nh tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Nghĩa vào năm 2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Anh Nh thường xuyên cờ bạc, số đề, chị H nhiều lần khuyên can nhưng Anh Nh không thay đổi.

Tháng 5/2019, chị H làm đơn yêu cầu ly hôn, được trung tâm hòa giải ngoài tòa án giải quyết hòa giải cho đoàn tụ. Sau khi đoàn tụ về Anh Nh vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn Anh Nh.

- Về con chung: Có một con chung tên Phạm Trần A A, sinh ngày 09/02/2016. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn Anh Nh trình bày:

- Về điều kiện và thời gian kết hôn Anh Nh đồng ý như chị H khai. Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Nghĩa vào năm 2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh Nh cờ bạc dẫn đến việc ly hôn. Tuy nhiên Anh Nh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung tên Phạm Trần A A, sinh ngày 09/02/2016. Nếu ly hôn Anh Nh yêu cầu được nuôi con vì anh có nghề nghiệp ổn định, chị H không có nghề nghiệp ổn định. Anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh Nh tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành vào năm 2015. Như vậy quan hệ hôn nhân chị H và Anh Nh là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2] Trong quá trình chung sống Anh Nh tham gia cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị H nhiều lần khuyên can Anh Nh nhưng Anh Nh không thay đổi. Tháng 5/2019, chị H làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng được Trung tâm hòa giải đối thoại hòa giải cho quay về đoàn tụ. Tuy nhiên đến nay, sau thời gian đoàn tụ vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên chị H tiếp tục làm đơn yêu cầu ly hôn.

[3 Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên quay về đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng chị H cương quyết ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị H và Anh Nh nếu có kéo dài cũng không đạt được mục đích, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nh đồng ý yêu cầu ly hôn của chị H. Việc thuận tình ly hôn của anh Nh và

chị H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trA đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh Nh có một con chung tên Phạm Trần A A, sinh ngày 09/02/2016. Cả anh Nh và chị H đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Các đương sự thừa nhận trong quá trình chung sống tại gia đình chồng, cả anh Nh, chị H đều có quan tâm con nhưng chị H là người chăm sóc nhiều hơn do anh Nh đi làm theo ca, chị H làm giờ hành chính, cháu A gửi trẻ từ lúc 18 tháng tuổi. Từ ngày 18/9/2019 đến nay, chị H bồng con về nhà mẹ đẻ ở huyện Phú Ninh sinh sống anh Nh không có ý kiến gì. Hiện nay cháu A còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do vậy xét giao cháu A cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu nên anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Việc anh Nh cho rằng chị H không có việc làm ổn định, không đủ điều kiện nuôi con, xét thấy: các đương sự thừa nhận trong quá trình chung sống chị H là người lo kinh tế gia đình, anh Nh thỉnh thoảng mới có đóng góp vì có ý kiến tiền anh Nh làm ra để tiết kiệm, nhưng thực tế số tiền tiết kiệm được cuối cùng chị H được anh Nh đưa là 4.000.000 đồng, ngoài ra không còn khoản tiền nào khác. Trong quá trình chung sống, anh Nh còn thường xuyên phát sinh nợ riêng của cá nhân anh Nh, vợ chồng nhiều lần phải vay mượn tiền để trả nợ riêng cho anh Nh. Do vậy không chấp nhận yêu cầu giao con chung cho anh Nh.

[7] Về tài sản chung: Không có.

[8] Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

[9] Án phí HNGĐ sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Trần Thị Thu H và anh Phạm Vũ Nh.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Trần A A, sinh ngày 09/02/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004448 ngày 18/9/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Nghĩa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đình Dũng

3